

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC GIÁO DỤC MẦM NON

Mã số: 71 40 201

(Ban hành kèm theo Quyết định số 315/QĐ-ĐHHV ngày 07/4/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Học phần	Số TC
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	29
I.1	Bắt buộc	27
-	Lý luận chính trị	11
-	Ngoại ngữ đại cương	10
-	Tin học đại cương	2
-	Pháp luật đại cương	2
-	Kỹ năng mềm	2
-	Giáo dục thể chất	(90 giờ)
-	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165 giờ)
I.2	Tự chọn (theo lĩnh vực hoặc nhóm ngành)	2
II	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	22
II.1	Bắt buộc	20
II.2	Tự chọn	2
III	KIẾN THỨC NGÀNH	47
III.1	Bắt buộc	43
III.2	Tự chọn	4
IV	KIẾN THỨC ĐÀO TẠO NĂNG LỰC SƯ PHẠM	22
IV.1	Bắt buộc	20
IV.2	Tự chọn	2
V	THỰC TẬP, ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	10
-	Thực tập sư phạm 1	2
-	Thực tập sư phạm 2	3
-	Đề án tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế đề án tốt nghiệp	5
TỔNG:		130

2. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/ TN/ TL	Tự học	
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	29				
I.1		Bắt buộc	27				
1	DPT319	Triết học Mác – Lênin	3	30	30	90	
2	DPT220	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	20	20	60	DPT319
3	DPT215	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	20	60	DPT220
4	DPT207	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	20	60	DPT215
5	DPT221	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	20	60	DPT207
		Ngoại ngữ đại cương (Chọn 1 ngoại ngữ)					

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/ TN/ TL	Tự học	
6 7 8 9	LCE315	Tiếng Anh 1	3	30	30	90	
	LCE216	Tiếng Anh 2	2	20	20	60	
	LCE317	Tiếng Anh 3	3	30	30	90	
	LCE218	Tiếng Anh 4	2	20	20	60	
	LCC350	Tiếng Trung 1	3	30	30	90	
	LCC251	Tiếng Trung 2	2	20	20	60	
	LCC252	Tiếng Trung 3	2	20	20	60	
	LCC353	Tiếng Trung 4	3	30	30	90	
6	JAP401	Tiếng Nhật 1	4	45	30	125	
7	JAP402	Tiếng Nhật 2	4	45	30	125	
8	JAP203	Tiếng Nhật 3	2	20	20	60	
10	PHE101	Giáo dục thể chất 1	(1)				
11	PHE102	Giáo dục thể chất 2	(1)				
12	PHE103	Giáo dục thể chất 3	(1)				
13	NDE801	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165T)				
14	CPS201	Tin học đại cương	2	10	40	50	
15	PSY234	Kỹ năng mềm	2	15	30	55	
16	DPT213	Pháp luật đại cương	2	20	20	60	
I.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
17	LLP202	Ngôn ngữ học đại cương	2*	20	20	60	
	PSY208	Quản lý giáo dục mầm non	2*	20	20	60	
	ECE220	Phát huy tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	2*	20	20	60	
II		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	22				
II.1		Bắt buộc	20				
18	ECE201	Phương pháp NCKH chuyên ngành Giáo dục mầm non	2	20	20	60	
19	TAC202	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	20	20	60	
20	BIO201	Môi trường và con người	2	20	20	60	
21	PRM229	Toán cơ sở	2	20	20	60	
22	MUE295	Âm nhạc	2	15	30	55	
23	ART273	Mỹ thuật	2	15	30	55	
24	BIO258	Sinh lý học trẻ em (Mầm non)	2	20	20	60	
25	LLC207	Tiếng Việt và tiếng Việt thực hành	2	20	20	60	
26	LLC206	Văn học dân gian	2	20	20	60	
27	MUE250	Đàn phím điện tử	2	10	40	50	
II.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
28	ECE202	Tiếng Anh giáo dục mầm non	2*	20	20	60	
	PSY224	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	2*	20	20	60	
	ECE230	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	2*	20	20	60	
III		KIẾN THỨC NGÀNH	47				
III.1		Bắt buộc	43				
29	ECE203	Dinh dưỡng trẻ em	2	20	20	60	
30	ECE223	Vệ sinh trẻ em	2	20	20	60	



TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/ TN/ TL	Tự học	
31	ECE204	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2	20	20	60	
32	ECE205	Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non	2	15	30	55	
33	LLC308	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	3	30	30	90	
34	LLC309	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	30	30	90	
35	PRM343	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán	3	30	30	90	
36	ECE338	Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non	3	30	30	90	
37	ECE339	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3	30	30	90	MUE348
38	ECE340	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	30	30	90	ART273
39	ECE341	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	30	30	90	
40	ECE242	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	20	20	60	
41	ECE243	Thiết kế đồ chơi cho trẻ mầm non	2	15	30	55	
42	ECE212	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	20	20	60	
43	ECE214	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2	20	20	60	
44	ECE221	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	20	20	60	
45	ECE244	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non	2	20	20	60	
46	ECE245	Tiếp cận một số phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến trên thế giới	2	20	20	60	
III.2		Tự chọn (Chọn 2 học phần)	4				
47 48	ECE246	Hướng dẫn thực hiện chế độ sinh hoạt cho trẻ ở trường mầm non	2	20	20	60	
	PRM231	Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	2*	20	20	60	PRM343
	ECE217	Biên đạo múa cho trẻ mầm non theo chủ đề	2*	15	30	55	
	ECE218	Tổ chức hoạt động phát triển tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	2*	20	20	60	
	PSY211	Can thiệp sớm cho trẻ mắc chứng rối loạn phát triển	2*	20	20	60	
	ECE247	Ứng dụng phương pháp Montessori trong giáo dục mầm non	2*	20	20	60	

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/ TN/ TL	Tự học	
IV		KIẾN THỨC ĐÀO TẠO NĂNG LỰC SỰ PHẠM	22				
IV.1		Bắt buộc	20				
49	PSY339	Tâm lý học mầm non	3	30	30	90	
50	PSY340	Giáo dục học mầm non	3	30	30	90	
51	PSY217	Giao tiếp sự phạm	2	15	30	55	
52	PSY205	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	20	20	60	
53	INT237	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	2	10	40	50	
54	ECE215	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	2	20	20	60	
55	LLC205	Văn học trẻ em	2	20	20	60	
56	PSY236	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cơ bản	2	10	40	50	
57	ECE248	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ngành Giáo dục mầm non	2		60	40	
IV.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
58	ECE225	Tổ chức hoạt động phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non	2*	20	20	60	
	MUE249	Tổ chức sự kiện	2*	20	20	60	
	PSY210	Tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non theo hướng tích hợp	2*	20	20	60	
V		THỰC TẬP, ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	10				
59	ECE227	Thực tập sư phạm 1	2		60	40	
60	ECE328	Thực tập sư phạm 2	3		90	60	
61	ECE549	Đề án tốt nghiệp	5		150	100	
		Học phần chuyên môn thay thế đề án tốt nghiệp (Chọn đủ 5 TC)	5				
62 63	PSY207	Giáo dục gia đình cho trẻ lứa tuổi mầm non	2*	20	20	60	
	ECE213	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2*	20	20	60	
	ECE250	Tổ chức hoạt động giáo dục theo định hướng STEM ở trường mầm non	2*	20	20	60	
	ECE324	Nghề giáo viên mầm non	3*	30	30	90	
	ECE332	Phương pháp phát triển trí tuệ cho trẻ mầm non	3*	30	30	90	
Tổng:			130				